

Chỉ thị này có hiệu lực thi hành từ ngày ký. Các văn bản trước đây của Hội đồng Bộ trưởng trái với Chỉ thị này đều bãi bỏ.

K.T. Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng

Phó Chủ tịch
VÕ VĂN KIỆT

QUYẾT ĐỊNH của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng số 147-CT ngày 11-5-1990 về việc thành lập Văn phòng miền núi và dân tộc.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG

Đề tăng cường sự chỉ đạo, điều hành của Hội đồng Bộ trưởng đối với công tác miền núi và dân tộc;

Căn cứ quyết định của Hội đồng Bộ trưởng số 72-HĐBT ngày 13-3-1990 về chủ trương, chính sách cụ thể phát triển kinh tế — xã hội miền núi.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. — Nay thành lập Văn phòng miền núi và dân tộc để giúp Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng chỉ đạo công tác miền núi và dân tộc.

Văn phòng miền núi và dân tộc đặt dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng.

Điều 2. — Văn phòng miền núi và dân tộc có nhiệm vụ:

1. Theo dõi đôn đốc, kiểm tra các ngành, các cấp trong việc thực hiện các quyết định của Đảng và Nhà nước về những chủ trương, chính sách đối với miền núi và dân tộc.

2. Phối hợp với các Ban của Đảng các Bộ, ngành nghiên cứu hoặc chủ trì nghiên

cứu đề xuất các chủ trương, chính sách, luật pháp về miền núi và dân tộc, để Hội đồng Bộ trưởng xem xét quyết định hoặc trình Hội đồng Nhà nước quyết định.

3. Tham gia với các Bộ, ngành, địa phương về việc quy hoạch đào tạo, bồi dưỡng, bố trí sắp xếp cán bộ chủ chốt là người dân tộc làm công tác chính quyền.

4. Thực hiện quan hệ với nước ngoài về vấn đề dân tộc.

Điều 3. — Văn phòng miền núi và dân tộc có quyền hạn sau:

1. Yêu cầu các Bộ, Ủy ban Nhà nước, các cơ quan khác thuộc Hội đồng Bộ trưởng và Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương cung cấp những thông tin cần thiết về miền núi và dân tộc.

2. Mời các Bộ, Ủy ban Nhà nước các cơ quan khác thuộc Hội đồng Bộ trưởng, Ủy ban Nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương để bàn những vấn đề về miền núi và dân tộc.

3. Kiểm tra các Bộ, Ủy ban Nhà nước, cơ quan khác thuộc Hội đồng Bộ trưởng, Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong việc thực hiện các chủ trương, chính sách đối với miền núi và dân tộc; kiến nghị với cơ quan được kiểm tra thi hành các biện pháp cần thiết hoặc sửa chữa những việc làm sai trái (nếu có) nhằm bảo đảm thực hiện nghiêm chỉnh các chủ trương chính sách, đối với miền núi và dân tộc.

Điều 4. — Văn phòng miền núi và dân tộc do đồng chí Bộ trưởng chuyên trách công tác miền núi và dân tộc trực tiếp làm Chủ nhiệm. Văn phòng có 1 — 2 Phó Chủ nhiệm, bộ máy làm việc gồm có một số tổ chuyên viên, được sử dụng con dấu và có ngân sách riêng. Trụ sở của Văn phòng miền núi và dân tộc đặt tại 80 Phan Đình Phùng, Hà Nội (trụ sở Ủy ban Dân tộc của Chính phủ trước đây).

Điều 5. — Đồng chí Chủ nhiệm Văn phòng Hội đồng Bộ trưởng, đồng chí Bộ

trưởng phụ trách miền núi và dân tộc của Chính phủ, các đồng chí Thủ trưởng các Bộ, Ủy ban Nhà nước, cơ quan khác thuộc Hội đồng Bộ trưởng và Chủ tịch Ủy ban Nhân dân các tỉnh, thành phố và đặc khu chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

K.T. Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng

Phó Chủ tịch

VÕ VĂN KIẾT

CÁC BỘ

BỘ LÂM NGHIỆP

THÔNG TƯ số 6/VP ngày 4-4-1990
hướng dẫn thực hiện Quyết
định số 99-CT ngày 24-4-1989
của Chủ tịch Hội đồng Bộ
trưởng về việc đẩy mạnh xuất
khẩu các mặt hàng chế biến từ
gỗ.

— Ngày 24-4-1989 Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng đã ra quyết định số 99-CT về việc đẩy mạnh xuất khẩu các mặt hàng chế biến từ gỗ.

— Ngày 3-2-1990 Hội đồng Bộ trưởng ra quyết định số 34-HĐBT về việc sắp xếp lại tổ chức dịch vụ và xuất nhập khẩu lâm sản.

Ngày 6-3-1990 Bộ Lâm nghiệp, Bộ Kinh tế Đối ngoại và Tổng cục Hải quan ra thông tư liên Bộ số 4-TT/LB quy định trách nhiệm, quyền hạn và quan hệ phối hợp giữa ba ngành Lâm nghiệp, Kinh tế đối ngoại, Hải quan trong việc quản lý và kiểm tra xuất khẩu, nhập khẩu lâm sản.

Bộ Lâm nghiệp ra Thông tư này hướng dẫn các địa phương và các đơn vị kinh doanh sản xuất thực hiện đúng các quyết định số 99-CT của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng và quyết định số 34-HĐBT của

Hội đồng Bộ trưởng nói trên về việc xuất khẩu gỗ và sản phẩm chế biến từ gỗ.

1. Đối với gỗ rừng tự nhiên và đặc sản rừng

a — Sản phẩm được xuất khẩu

Từ năm 1990 trở đi không xuất khẩu gỗ tròn mà chỉ xuất khẩu các mặt hàng chế biến từ gỗ như: đồ gỗ và đồ gỗ kết hợp song mây, ván sàn, ván sàn tinh chế, gỗ lạng, gỗ dán, ván dăm, ván sợi ép, gỗ xẻ, v.v... Các loại gỗ cấm xuất khẩu kể cả gỗ xẻ gồm có: Cẩm lai, gỗ đỏ, Gụ, Dáng hương, Lát, Hoàng đàn, Mun, Sến, Nghiến, Sao, Lim xanh (theo quyết định số 99-CT của Chủ tịch HĐBT).

Đối với đặc sản rừng và động vật rừng xuất khẩu theo quy định trong thông tư liên Bộ số 4 ngày 6-3-1990 nói trên.

Đối với song mây, cần tổ chức chế biến thành sản phẩm xuất khẩu có giá trị và từ năm 1991 trở đi sẽ không xuất khẩu song mây dưới dạng nguyên liệu thô.

b — Đối với gỗ để xuất khẩu tồn kho của năm 1989 đã được đoàn kiểm tra của Bộ Lâm nghiệp kiểm kê và đóng dấu búa cuối năm 1989, có đủ biên lai nộp tiền nuôi rừng, nếu muốn xuất khẩu cũng phải chế biến thành các mặt hàng đã nói trên.

Những đơn vị có gỗ xuất khẩu tồn kho năm 1989 không có khả năng chế biến thành hàng xuất khẩu sẽ bán chò các Tổng công ty dịch vụ sản xuất và xuất nhập khẩu Lâm sản I, II, III thuộc Bộ Lâm nghiệp để chế biến thành sản phẩm được xuất khẩu.

c — Đối với gỗ quý hiếm tồn kho năm 1989 đã được các đoàn kiểm tra của Bộ Lâm nghiệp kiểm kê và đóng dấu búa cuối năm 1989 nếu bán gỗ tròn được giá cao hơn sản phẩm đã chế biến thì đăng ký xin xuất khẩu với Bộ Lâm nghiệp để Bộ Lâm nghiệp cùng với Bộ Thương nghiệp xem xét giải quyết.